

Số: 84/2020 /QĐST- HNGĐ

*Triệu Sơn, ngày 14 tháng 5 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 67/2020/TLST/HNGĐ ngày 24 tháng 2 năm 2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1995

Địa chỉ: Đội 2, thị trấn Triệu S, huyện Triệu S, tỉnh Thanh H

Bị đơn: Anh Hà Xuân T1, sinh năm 1987

Địa chỉ: Đội 1, thị trấn Triệu S, huyện Triệu S, tỉnh Thanh H

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; 81; 82; 83 luật Hôn nhân gia đình.

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, điểm 1.1, tiểu mục 1, mục II phần A danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 6 tháng 5 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 6 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1995

Bị đơn: Anh Hà Xuân T, sinh năm 1987

**2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- *Về hôn nhân:* Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị T và anh Hà Xuân T.

- *Về con chung:* Vợ chồng anh, chị có 01 con chung với nhau tên cháu là Hà Xuân T2, sinh ngày 25/3/2013. Hiện nay cháu đang ở cùng chị T. Ly hôn vợ chồng

anh chị thỏa thuận giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2. Anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng 500.000đ ( năm trăm nghìn đồng) kể từ tháng 5 năm 2020 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Anh T1 được quyền đi lại chăm sóc con chung, chị T và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm cản trở.

- *Về tài sản và phân nợ:* Vợ chồng anh, chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Vợ chồng anh, chị thỏa thuận, chị T nộp toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn) chị T đã nộp theo biên lai số AA/2018/0003888 ngày 21 tháng 2 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn được trừ 150.000 tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung thay cho anh T1.

**3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

***Nơi nhận***

- Các đương sự
- VKS Triệu Sơn
- Chi cục thi hành án Triệu Sơn
- UBND TT Triệu Sơn
- phòng Giám đốc án
- Lưu hồ sơ

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Thủy**

